

Số: 1209/TB-SXD

Kiên Giang, ngày 25 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO

**Nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện
được bán, thuê mua thuộc Dự án khu Đô thị Gateway (Khu B),
phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang**

Sở Xây dựng nhận được Thông báo số 167/2021/TB-PQC ngày 01/6/2021 của Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc về việc Dự án Khu đô thị Gateway (Khu B) tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đủ điều kiện được bán. Sau khi xem nội dung Thông báo và các hồ sơ có liên quan của Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc kết hợp với kiểm tra thực tế về hệ thống hạ tầng tại hiện trường của dự án, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

Về căn cứ pháp lý liên quan đến Dự án Khu đô thị Gateway (Khu B), Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc đã nộp kèm thông báo gồm:

- Công văn số 1517/UBND-KTTH ngày 08/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc điều chỉnh Dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc thành 02 dự án thành phần;

- Quyết định chủ trương đầu tư số 110/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 01/6/2020 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc;

- Quyết định số 87/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 02/5/2019 của Ban Quản lý khu kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh cục bộ (lần 8) quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại thị trấn An Thới và xã Hòn Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô điều chỉnh là 703.848,4m² (Dự án Khu đô thị Gateway);

- Quyết định số 237/QĐ-BQLKKTTPQ ngày 24/10/2019 của Ban Quản lý khu kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh cục bộ (lần 9) quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Khu đô thị Gateway thuộc Dự án Cấp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại thị trấn An Thới và xã Hòn Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô điều chỉnh là 81.177,3m²;

- Quyết định số 1946/QĐ-UBND ngày 27/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu đô thị Gateway” của Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc;



- Quyết định số 256/QĐ-BQLKKTQP ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung tiết 6.2.1, điểm 6.2, khoản 6, Điều 1, Quyết định số 87/QĐ-BQLKKTQP ngày 02/5/2019 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Đồ án Điều chỉnh cục bộ (lần 8) quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm - Phú Quốc tại thị trấn An Thới và xã Hòn Thơm, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô điều chỉnh là 703.848,4m² (Dự án Khu đô thị Gateway).

- Quyết định số 85/QĐ-BQLKKTQP ngày 19/5/2021 về việc giao đất cho Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc thực hiện đầu tư Dự án Khu đô thị Gateway thuộc Dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô: 7.117,2 m²;

- Quyết định số 105/QĐ-BQLKKTQP ngày 16/6/2021 về việc giao đất cho Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc thực hiện đầu tư Dự án Khu đô thị Gateway thuộc Dự án Cáp treo và quần thể vui chơi giải trí biển Hòn Thơm – Phú Quốc tại phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 21.500,3 m²;

- Công văn số 2315/SXD-PTĐT ngày 30/11/2020 của Sở Xây dựng về việc tham mưu tháo gỡ một số vướng mắc trong thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị theo quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ (Phúc đáp công văn 1607/BQLKKTQP-QLĐĐ&XD ngày 25/11/2020 của Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc);

- Công văn số 176A/2021/CV-PQC ngày 01 tháng 6 năm 2021 của Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc về việc Cam kết tiến độ hoàn thành hệ thống hạ tầng Khu nhà ở thương mại thấp tầng trên đồi thuộc dự án Khu Đô thị Gateway(Khu B).

Đối với Biên bản nghiệm giai đoạn đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật và đầu tư xây dựng phần nhà ở trong phạm vi dự án như sau:

- Việc đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng bao gồm 04 biên bản:
 - + Hệ thống chiếu sáng (01 biên bản, số 04 ngày 01 tháng 6 năm 2021);
 - + Hệ thống cấp nước sinh hoạt (01 biên bản, số 02 ngày 01 tháng 6 năm 2021);
 - + Hệ thống giao thông (01 biên bản, số 01 ngày 01 tháng 6 năm 2021);
 - + Hệ thống thoát nước thải (01 biên bản, số 05 ngày 01 tháng 6 năm 2021);
- Riêng việc đầu tư xây dựng phần nhà ở (phần thô các khối nhà ở) gồm 05 biên bản:
 - + Biên bản số 01 ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc nghiệm thu Hoàn thành giai đoạn thi công kết cấu và hoàn thiện thô các Block OTD-6 (60-65); OTD-6 (66-

70); OTD-6 (71-76); OTD-6 (77-80); OTD-6 (81-84); OTD-6 (85-90); OTD-6 (91-95);

+ Biên bản số 02 ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công kết cấu và hoàn thiện thô các Block OTD-6 (7-10); OTD-6 (11-15); OTD-6 (16-18); OTD-6 (19-21); OTD-6 (22-25); OTD-6 (26-32); OTD-6 (33-38); OTD-6 (39-40); OTD-6 (41-44); OTD-6 (45-49); OTD-6 (50-55);

+ Biên bản số 03 ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc nghiệm thu Hoàn thành giai đoạn thi công kết cấu và hoàn thiện thô các Block OTD-2 (23-29); OTD-2 (30-36); OTD-2 (37-42); OTD-2 (43-48);

+ Biên bản số 04 ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công kết cấu và hoàn thiện thô các Block OTD-7 (1-5); OTD-7 (6-10); OTD-7 (11-16); OTD-7 (17-21); OTD-7 (22-28); OTD-7 (29-35); OTD-7 (36-42);

+ Biên bản số 05 ngày 18 tháng 6 năm 2021 về việc nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công kết cấu và hoàn thiện thô các Block OTD-7 (43-49); OTD-7 (50-54); OTD-7 (55-59); OTD-7 (60-65); OTD-7 (66-69); OTD-7 (70-75); OTD-7 (76-80);

Đối với hồ sơ thiết kế thi công: 36 hồ sơ thiết kế. Cụ thể như sau:

- Khu ở 2 (ký hiệu OTD-2): tổng số 15 căn, bao gồm các dãy nhà như sau: OTD-2 (25-29); OTD-2 (30-35); OTD-2 (37-38); OTD-2 (47-48);

- Khu ở 6 (ký hiệu OTD-6): tổng số 85 căn, bao gồm các dãy nhà như sau: OTD-6 (7-10); OTD-6 (11-15); OTD-6 (16-18); OTD-6 (19-21); OTD-6 (22-25); OTD-6 (26-32); OTD-6 (33-38); OTD-6 (39-40); OTD-6 (41-44); OTD-6 (45-49); OTD-6 (50-55); OTD-6 (60-65); OTD-6 (66-70); OTD-6 (71-76); OTD-6 (77-80); OTD-6 (81-84); OTD-6 (85-90); OTD-6 (91-95);

- Khu ở 7 (ký hiệu OTD-7): tổng số 76 căn, bao gồm các dãy nhà như sau: OTD-7 (1-5); OTD-7 (6-10); OTD-7 (11-16); OTD-7 (17-21); OTD-7 (22-28); OTD-7 (29-35); OTD-7 (36-42); OTD-7 (43-49); OTD-7 (50-54); OTD-7 (55-58); OTD-7 (61-65); OTD-7 (66-69); OTD-7 (71-74); OTD-7 (76-80);

Căn cứ theo Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014 của Quốc hội.

Sở Xây dựng thống nhất danh sách nhà ở hình thành tương lai thuộc dự án Dự án khu Đô thị Gateway (Khu B). Tổng số 176 căn, tương đương với diện tích đất là 26.490,5 m², diện tích xây dựng là 17.695,0 m², diện tích sàn là 88.475,2 m² của Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc đủ điều kiện được bán, thuê mua.



Chi tiết danh sách nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua của Dự án khu Đô thị Gateway – Khu B (xem phụ lục 1 đính kèm).

Sở Xây dựng đề nghị chủ đầu tư thực hiện các nội dung sau:

- Ký hợp đồng huy động vốn từ tiền mua nhà ứng trước thông qua hình thức ký hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai đúng theo quy định tại Điều 55, Điều 56 Luật Kinh doanh Bất động sản số 66/2014/QH13 và các quy định pháp luật hiện hành

- Riêng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc phải thực hiện đúng theo cam kết tại Công văn số 176A/2021/CV-PQC ngày 01 tháng 6 năm 2021, đồng thời gửi bổ sung biên bản nghiệm thu **khối lượng hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng** của hệ thống hạ tầng kỹ thuật về Sở Xây dựng trước ngày 15/12/2021./

Nơi nhận:

- Cty TNHH Mặt Trời Phú Quốc;
- Ban Giám đốc SXD;
- Phòng QLN & TTBDS;
- Lưu VT, nttthuy.


KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Nam Trung

**DANH SÁCH NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI
ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC BÁN, CHO THUÊ MUA**

(ban hành kèm theo Thông báo số: 1209/TB-SXD ngày 25/6/2021 của Sở Xây dựng)

STT	TÊN LÔ ĐẤT THEO QH 1/500	QUY MÔ CĂN NHÀ	DT Ô ĐẤT (thực tế)	DT XÂY DỰNG	DT SÀN	TÊN ĐƯỜNG	GHI CHÚ
1	OTD 2-25	1 trệt 4 lầu	132,6	96,00	480,0	Đường D23	
2	OTD 2-26	1 trệt 4 lầu	135,4	96,00	480,0	Đường D23	
3	OTD 2-27	1 trệt 4 lầu	138,2	96,00	480,0	Đường D23	
4	OTD 2-28	1 trệt 4 lầu	140,9	96,00	480,0	Đường D23	
5	OTD 2-29	1 trệt 4 lầu	143,6	96,00	480,0	Đường D23	
6	OTD 2-30	1 trệt 4 lầu	146,8	96,00	480,0	Đường D29	
7	OTD 2-31	1 trệt 4 lầu	142,0	96,00	480,0	Đường D29	
8	OTD 2-32	1 trệt 4 lầu	140,6	96,00	480,0	Đường D29	
9	OTD 2-33	1 trệt 4 lầu	139,2	96,00	480,0	Đường D29	
10	OTD 2-34	1 trệt 4 lầu	137,8	96,00	480,0	Đường D29	
11	OTD 2-35	1 trệt 4 lầu	136,3	96,00	480,0	Đường D29	
12	OTD 2-37	1 trệt 4 lầu	183,4	96,00	480,0	Đường D23	
13	OTD 2-38	1 trệt 4 lầu	149,9	96,00	480,0	Đường D23	
14	OTD 2-47	1 trệt 4 lầu	134,8	96,00	480,0	Đường D29	
15	OTD 2-48	1 trệt 4 lầu	166,0	96,00	480,0	Đường D29	
16	OTD 6-7	1 trệt 4 lầu	133,4	96,00	480,0	Đường D1+D35	
17	OTD 6-8	1 trệt 4 lầu	118,0	88,00	440,0	Đường D1+D35	
18	OTD 6-9	1 trệt 4 lầu	112,4	88,00	440,0	Đường D1+D35	
19	OTD 6-10	1 trệt 4 lầu	180,5	103,97	519,9	Đường D1+D35	
20	OTD 6-11	1 trệt 4 lầu	216,2	126,00	630,0	Đường D1+D35	
21	OTD 6-12	1 trệt 4 lầu	112,4	88,00	440,0	Đường D1+D35	
22	OTD 6-13	1 trệt 4 lầu	112,5	88,00	440,0	Đường D1+D35	
23	OTD 6-14	1 trệt 4 lầu	112,1	88,00	440,0	Đường D1+D35	
24	OTD 6-15	1 trệt 4 lầu	191,9	126,00	630,0	Đường D1+D35	
25	OTD 6-16	1 trệt 4 lầu	210,8	126,07	630,4	Đường D1+D35	
26	OTD 6-17	1 trệt 4 lầu	112,4	88,00	440,0	Đường D1+D35	
27	OTD 6-18	1 trệt 4 lầu	179,6	110,00	550,0	Đường D1+D35	
28	OTD 6-19	1 trệt 4 lầu	176,5	104,00	520,0	Đường D1+D35	
29	OTD 6-20	1 trệt 4 lầu	136,6	104,00	520,0	Đường D1+D35	
30	OTD 6-21	1 trệt 4 lầu	183,4	104,00	520,0	Đường D1+D35	
31	OTD 6-22	1 trệt 4 lầu	197,3	120,00	600,0	Đường D1+D35	
32	OTD 6-23	1 trệt 4 lầu	136,2	96,00	480,0	Đường D1+D35	
33	OTD 6-24	1 trệt 4 lầu	135,1	96,00	480,0	Đường D1+D35	
34	OTD 6-25	1 trệt 4 lầu	200,9	120,00	600,0	Đường D1+D35	
35	OTD 6-26	1 trệt 4 lầu	130,6	96,00	480,0	Đường D1+D36	
36	OTD 6-27	1 trệt 4 lầu	128,6	96,00	480,0	Đường D1+D36	
37	OTD 6-28	1 trệt 4 lầu	127,9	96,00	480,0	Đường D1+D36	
38	OTD 6-29	1 trệt 4 lầu	128,3	96,00	480,0	Đường D1+D36	
39	OTD 6-30	1 trệt 4 lầu	129,4	96,00	480,0	Đường D1+D36	
40	OTD 6-31	1 trệt 4 lầu	130,4	96,00	480,0	Đường D1+D36	
41	OTD 6-32	1 trệt 4 lầu	131,0	96,00	480,0	Đường D1+D36	
42	OTD 6-33	1 trệt 4 lầu	187,1	96,00	480,0	Đường D1+D36	
43	OTD 6-34	1 trệt 4 lầu	129,9	96,00	480,0	Đường D1+D36	



STT	TÊN LÔ ĐẤT THEO QH 1/500	QUY MÔ CĂN NHÀ	DT Ô ĐẤT (thực tế)	DT XÂY DỰNG	DT SÀN	TÊN ĐƯỜNG	GHI CHÚ
44	OTD 6-35	1 trệt 4 lầu	128,9	96,00	480,0	Đường D1+D36	
45	OTD 6-36	1 trệt 4 lầu	128,3	96,00	480,0	Đường D1+D36	
46	OTD 6-37	1 trệt 4 lầu	128,2	96,00	480,0	Đường D1+D36	
47	OTD 6-38	1 trệt 4 lầu	128,1	96,00	480,0	Đường D1+D36	
48	OTD 6-39	1 trệt 4 lầu	161,9	112,00	560,0	Đường D1+D36	
49	OTD 6-40	1 trệt 4 lầu	182,4	112,00	560,0	Đường D1+D36	
50	OTD 6-41	1 trệt 4 lầu	181,7	112,00	560,0	Đường D1+D36	
51	OTD 6-42	1 trệt 4 lầu	136,8	96,00	480,0	Đường D1+D36	
52	OTD 6-43	1 trệt 4 lầu	135,6	96,00	480,0	Đường D1+D36	
53	OTD 6-44	1 trệt 4 lầu	177,2	112,00	560,0	Đường D1+D36	
54	OTD 6-45	1 trệt 4 lầu	179,6	96,00	480,0	Đường D1+D36	
55	OTD 6-46	1 trệt 4 lầu	135,1	96,00	480,0	Đường D1+D36	
56	OTD 6-47	1 trệt 4 lầu	135,7	96,00	480,0	Đường D1+D36	
57	OTD 6-48	1 trệt 4 lầu	136,2	96,00	480,0	Đường D1+D36	
58	OTD 6-49	1 trệt 4 lầu	146,2	96,00	480,0	Đường D1+D36	
59	OTD 6-50	1 trệt 4 lầu	153,5	96,00	480,0	Đường D1+D36	
60	OTD 6-51	1 trệt 4 lầu	148,0	96,00	480,0	Đường D1+D36	
61	OTD 6-52	1 trệt 4 lầu	153,2	96,00	480,0	Đường D1+D36	
62	OTD 6-53	1 trệt 4 lầu	158,4	96,00	480,0	Đường D1+D36	
63	OTD 6-54	1 trệt 4 lầu	163,6	96,00	480,0	Đường D1+D36	
64	OTD 6-55	1 trệt 4 lầu	241,1	96,00	480,0	Đường D1+D36	
65	OTD 6-60	1 trệt 4 lầu	272,0	165,00	825,0	Đường D23+D36	
66	OTD 6-61	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
67	OTD 6-62	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
68	OTD 6-63	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
69	OTD 6-64	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
70	OTD 6-65	1 trệt 4 lầu	160,3	96,00	480,0	Đường D23+D36	
71	OTD 6-66	1 trệt 4 lầu	210,1	120,00	600,0	Đường D23+D36	
72	OTD 6-67	1 trệt 4 lầu	136,1	96,00	480,0	Đường D23+D36	
73	OTD 6-68	1 trệt 4 lầu	136,1	96,00	480,0	Đường D23+D36	
74	OTD 6-69	1 trệt 4 lầu	136,1	96,00	480,0	Đường D23+D36	
75	OTD 6-70	1 trệt 4 lầu	149,1	96,00	480,0	Đường D23+D36	
76	OTD 6-71	1 trệt 4 lầu	149,4	96,00	480,0	Đường D23+D36	
77	OTD 6-72	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
78	OTD 6-73	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
79	OTD 6-74	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
80	OTD 6-75	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
81	OTD 6-76	1 trệt 4 lầu	163,5	96,00	480,0	Đường D23+D36	
82	OTD 6-77	1 trệt 4 lầu	163,0	112,00	560,0	Đường D23+D36	
83	OTD 6-78	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
84	OTD 6-79	1 trệt 4 lầu	136,1	96,00	480,0	Đường D23+D36	
85	OTD 6-80	1 trệt 4 lầu	208,2	140,00	700,0	Đường D23+D36	
86	OTD 6-81	1 trệt 4 lầu	218,2	120,00	600,0	Đường D23+D36	
87	OTD 6-82	1 trệt 4 lầu	136,1	96,00	480,0	Đường D23+D36	
88	OTD 6-83	1 trệt 4 lầu	136,1	96,00	480,0	Đường D23+D36	
89	OTD 6-84	1 trệt 4 lầu	215,4	120,00	600,0	Đường D23+D36	
90	OTD 6-85	1 trệt 4 lầu	193,2	120,00	600,0	Đường D23+D36	

STT	TÊN LÔ ĐẤT THEO QH 1/500	QUY MÔ CĂN NHÀ	DT Ô ĐẤT (thực tế)	DT XÂY DỰNG	DT SÀN	TÊN ĐƯỜNG	GHI CHÚ
91	OTD 6-86	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
92	OTD 6-87	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
93	OTD 6-88	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
94	OTD 6-89	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
95	OTD 6-90	1 trệt 4 lầu	231,4	120,00	600,0	Đường D23+D36	
96	OTD 6-91	1 trệt 4 lầu	196,7	120,00	600,0	Đường D23+D36	
97	OTD 6-92	1 trệt 4 lầu	136,5	96,00	480,0	Đường D23+D36	
98	OTD 6-93	1 trệt 4 lầu	136,0	96,00	480,0	Đường D23+D36	
99	OTD 6-94	1 trệt 4 lầu	136,6	96,00	480,0	Đường D23+D36	
100	OTD 6-95	1 trệt 4 lầu	202,9	120,00	600,0	Đường D23+D36	
101	OTD 7-1	1 trệt 4 lầu	207,8	120,00	600,0	Đường D1	
102	OTD 7-2	1 trệt 4 lầu	108,4	80,00	400,0	Đường D1	
103	OTD 7-3	1 trệt 4 lầu	103,9	80,00	400,0	Đường D1	
104	OTD 7-4	1 trệt 4 lầu	106,2	80,00	400,0	Đường D1	
105	OTD 7-5	1 trệt 4 lầu	196,5	100,00	500,0	Đường D1	
106	OTD 7-6	1 trệt 4 lầu	178,7	100,00	500,0	Đường D23	
107	OTD 7-7	1 trệt 4 lầu	115,7	80,00	400,0	Đường D23	
108	OTD 7-8	1 trệt 4 lầu	117,5	80,00	400,0	Đường D23	
109	OTD 7-9	1 trệt 4 lầu	116,7	80,00	400,0	Đường D23	
110	OTD 7-10	1 trệt 4 lầu	177,0	100,00	500,0	Đường D23	
111	OTD 7-11	1 trệt 4 lầu	124,9	88,00	440,0	Đường D1	
112	OTD 7-12	1 trệt 4 lầu	134,4	88,00	440,0	Đường D1	
113	OTD 7-13	1 trệt 4 lầu	138,8	88,00	440,0	Đường D1	
114	OTD 7-14	1 trệt 4 lầu	134,7	88,00	440,0	Đường D1	
115	OTD 7-15	1 trệt 4 lầu	125,8	80,00	400,0	Đường D1	
116	OTD 7-16	1 trệt 4 lầu	143,5	80,00	400,0	Đường D1	
117	OTD 7-17	1 trệt 4 lầu	212,8	120,00	600,0	Đường D23	
118	OTD 7-18	1 trệt 4 lầu	107,4	80,00	400,0	Đường D23	
119	OTD 7-19	1 trệt 4 lầu	110,5	80,00	400,0	Đường D23	
120	OTD 7-20	1 trệt 4 lầu	113,6	80,00	400,0	Đường D23	
121	OTD 7-21	1 trệt 4 lầu	116,8	80,00	400,0	Đường D23	
122	OTD 7-22	1 trệt 4 lầu	245,0	160,00	800,0	Đường D1+D23	
123	OTD 7-23	1 trệt 4 lầu	181,6	128,00	640,0	Đường D1+D23	
124	OTD 7-24	1 trệt 4 lầu	174,3	120,00	600,0	Đường D1+D23	
125	OTD 7-25	1 trệt 4 lầu	168,3	120,00	600,0	Đường D1+D23	
126	OTD 7-26	1 trệt 4 lầu	162,5	112,00	560,0	Đường D1+D23	
127	OTD 7-27	1 trệt 4 lầu	154,2	112,00	560,0	Đường D1+D23	
128	OTD 7-28	1 trệt 4 lầu	187,1	120,00	600,0	Đường D1+D23	
129	OTD 7-29	1 trệt 4 lầu	126,7	88,00	440,0	Đường D1+D23	
130	OTD 7-30	1 trệt 4 lầu	139,7	96,00	480,0	Đường D1+D23	
131	OTD 7-31	1 trệt 4 lầu	152,5	112,00	560,0	Đường D1+D23	
132	OTD 7-32	1 trệt 4 lầu	163,7	112,00	560,0	Đường D1+D23	
133	OTD 7-33	1 trệt 4 lầu	158,9	112,00	560,0	Đường D1+D23	
134	OTD 7-34	1 trệt 4 lầu	163,2	112,00	560,0	Đường D1+D23	
135	OTD 7-35	1 trệt 4 lầu	179,9	128,00	640,0	Đường D1+D23	
136	OTD 7-36	1 trệt 4 lầu	139,7	88,00	440,0	Đường D34	
137	OTD 7-37	1 trệt 4 lầu	117,0	88,00	440,0	Đường D34	

STT	TÊN LÔ ĐẤT THEO QH 1/500	QUY MÔ CĂN NHÀ	DT Ô ĐẤT (thực tế)	DT XÂY DỰNG	DT SÀN	TÊN ĐƯỜNG	GHI CHÚ
138	OTD 7-38	1 trệt 4 lầu	124,0	88,00	440,0	Đường D34	
139	OTD 7-39	1 trệt 4 lầu	130,0	96,00	480,0	Đường D34	
140	OTD 7-40	1 trệt 4 lầu	134,9	96,00	480,0	Đường D34	
141	OTD 7-41	1 trệt 4 lầu	138,6	104,00	520,0	Đường D34	
142	OTD 7-42	1 trệt 4 lầu	164,9	112,00	560,0	Đường D34	
143	OTD 7-43	1 trệt 4 lầu	161,2	88,00	440,0	Đường D23	
144	OTD 7-44	1 trệt 4 lầu	147,3	88,00	440,0	Đường D23	
145	OTD 7-45	1 trệt 4 lầu	144,5	88,00	440,0	Đường D23	
146	OTD 7-46	1 trệt 4 lầu	138,9	96,00	480,0	Đường D23	
147	OTD 7-47	1 trệt 4 lầu	131,5	96,00	480,0	Đường D23	
148	OTD 7-48	1 trệt 4 lầu	122,2	96,00	480,0	Đường D23	
149	OTD 7-49	1 trệt 4 lầu	137,4	112,00	560,0	Đường D23	
150	OTD 7-50	1 trệt 4 lầu	166,4	104,00	520,0	Đường D34	
151	OTD 7-51	1 trệt 4 lầu	146,6	104,00	520,0	Đường D34	
152	OTD 7-52	1 trệt 4 lầu	142,3	104,00	520,0	Đường D34	
153	OTD 7-53	1 trệt 4 lầu	132,7	88,00	440,0	Đường D34	
154	OTD 7-54	1 trệt 4 lầu	187,2	132,00	660,0	Đường D34	
155	OTD 7-55	1 trệt 4 lầu	190,7	132,00	660,0	Đường D23	
156	OTD 7-56	1 trệt 4 lầu	133,8	88,00	440,0	Đường D23	
157	OTD 7-57	1 trệt 4 lầu	137,7	104,00	520,0	Đường D23	
158	OTD 7-58	1 trệt 4 lầu	140,4	104,00	520,0	Đường D23	
159	OTD 7-61	1 trệt 4 lầu	139,5	104,00	520,0	Đường D34	
160	OTD 7-62	1 trệt 4 lầu	136,7	104,00	520,0	Đường D34	
161	OTD 7-63	1 trệt 4 lầu	137,1	104,00	520,0	Đường D34	
162	OTD 7-64	1 trệt 4 lầu	143,7	104,00	520,0	Đường D34	
163	OTD 7-65	1 trệt 4 lầu	182,3	120,00	600,0	Đường D34	
164	OTD 7-66	1 trệt 4 lầu	153,9	96,00	480,0	Đường D23	
165	OTD 7-67	1 trệt 4 lầu	141,6	96,00	480,0	Đường D23	
166	OTD 7-68	1 trệt 4 lầu	141,7	96,00	480,0	Đường D23	
167	OTD 7-69	1 trệt 4 lầu	171,1	120,00	600,0	Đường D23	
168	OTD 7-71	1 trệt 4 lầu	138,0	104,00	520,0	Đường D34	
169	OTD 7-72	1 trệt 4 lầu	136,7	104,00	520,0	Đường D34	
170	OTD 7-73	1 trệt 4 lầu	132,1	96,00	480,0	Đường D34	
171	OTD 7-74	1 trệt 4 lầu	154,3	110,00	550,0	Đường D34	
172	OTD 7-76	1 trệt 4 lầu	170,9	108,00	540,0	Đường D23	
173	OTD 7-77	1 trệt 4 lầu	138,7	96,00	480,0	Đường D23	
174	OTD 7-78	1 trệt 4 lầu	140,6	96,00	480,0	Đường D23	
175	OTD 7-79	1 trệt 4 lầu	99,2	80,00	400,0	Đường D23	
176	OTD 7-80	1 trệt 4 lầu	158,9	80,00	400,0	Đường D23	
TỔNG CỘNG			26.490,5	17.695,0	88.475,2		